

令和 6 年 6 月

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	北島 康弘	放流水の有無	有

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	32.8 t	7.91	5.0 cm	20.7 °C	
放流量	33.4 t	7.76	50.0 cm	20.7 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	266 KWH	3,081 KWH	5.48 t	
日平均使用量	8.9 KWH	102.7 KWH	0.18 t	

項目	一次破碎不燃		二次破碎不燃		破碎不適物		焼却残渣		ビン・缶残渣		プラ残渣	
	台	t	台	t	台	t	台	t	台	t	台	t
月計	9	3.80	23	40.79	32	20.70	4	28.59	1	2.27		
前月累計	19	6.91	54	111.74	69	51.99	2	16.24	3	5.91		
年度計	28	10.71	77	152.53	101	72.69	6	44.83	4	8.18		

小計	
月計	69台 96.15 t
前月累計	147台 192.79 t
年度計	216台 288.94 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)	
月計	t	69台	96.15 t
前月累計	t	147台	192.79 t
年度計	t	216台	288.94 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	39台	240 m ³
前月累計	55台	482 m ³
年度計	94台	722 m ³

項目	日
搬入日数	18
日平均搬入数量	5.34 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	73.89 t	59台	スケール分散剤	40.00 kg
5	118.90 t	88台	凝集剤 パック	150.00 kg
6	96.15 t	69台	凝集助剤 ポリマ	0.40 kg
7	t	台	固形塩素剤	2.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	m ³
			脱水ケーキ量	t
計	288.94 t	216台	脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1		°C	°C	°C
2		°C	°C	°C
3	晴/曇	18 °C	21 °C	12 °C
4	晴	19 °C	22 °C	9 °C
5	曇/雨	12 °C	14 °C	10 °C
6	晴	14 °C	19 °C	10 °C
7	晴	17 °C	22 °C	10 °C
8		°C	°C	°C
9		°C	°C	°C
10	晴	16 °C	22 °C	12 °C
11	晴	22 °C	25 °C	15 °C
12	晴	23 °C	25 °C	14 °C
13	曇/晴	22 °C	26 °C	15 °C
14	晴	23 °C	25 °C	14 °C
15		°C	°C	°C
16		°C	°C	°C
17	晴	18 °C	25 °C	15 °C
18	曇	21 °C	23 °C	17 °C
19	晴	21 °C	25 °C	13 °C
20	晴	16 °C	22 °C	13 °C
21	晴	24 °C	28 °C	15 °C
22		°C	°C	°C
23		°C	°C	°C
24	曇/雨	20 °C	20 °C	15 °C
25	曇	20 °C	21 °C	17 °C
26	曇/晴	13 °C	19 °C	12 °C
27	晴/曇	21 °C	25 °C	9 °C
28	晴	25 °C	27 °C	17 °C
29		°C	°C	°C
30		°C	°C	°C